TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HSST
Ngày 25 -7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mạnh Xuân Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huấn và bà Đào Thị Ngọc Lý.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2018/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2018 đối với:

* Các bị cáo:

1/ Lê Ngọc A, sinh năm 1991; tên gọi khác: không; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc C (đã chết) và bà Phạm Thị T; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: Ngày 24/10/2014, TAND huyện D, tỉnh Hà Nam xử phạt 36 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999. Ngày 01/12/2016, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Đã nộp án phí HSST và DSST; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 23/5/2018, đến ngày 01/6/2018 chuyển tạm giam cho đến nay; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

2/ Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; tên gọi khác: không; Nơi cư trú: xóm 5, thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T; vợ: Trần Thị Thu Tr (đã ly hôn), con: có 01 con sinh năm 2012; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Năm 2013, Nguyễn Văn H bị UBND quận H, TP Hà Nội áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 04/10/2015, chấp hành xong quyết định trở về địa phương; Bị bắt, tạm giam từ ngày 03/6/2018 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam, có mặt.

* *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1971; địa chỉ: T, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, thành phố P,

tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị C, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Anh Trịnh Cao C, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

* Người làm chứng:

+ Bà Bùi Thị M, sinh năm 1976; vắng mặt.

+ Anh Đinh Thanh T, sinh năm 1993; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997; vắng mặt.

+ Anh Ngô Xuân T, sinh năm 1986; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định cùng nhau đi cướp giật tài sản của người đi đường, nên khoảng 23 giờ ngày 13/5/2018, Nguyễn Văn H nhắn tin trên Facebook cho Lê Ngọc A "*Có việc gì kiếm tiền cho anh đi theo với*", A nhắn lại: "*Sáng mai có việc, anh đi ngủ đi, sáng mai em đón*". Đến khoảng 9 giờ ngày 14/5/2018, A gọi điện cho H nhưng H không nghe máy. A điều khiển xe mô tô BKS 90B2 – 698.26 (không đeo BKS) đi tìm H nhưng không thấy. Khi A đi về đến cầu H thuộc thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam, H gọi điện cho A, bảo A đứng đợi mình ở đó. Sau đó, H nhờ Nguyễn Văn T trú tại xóm 10, thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam chở H từ xã C, huyện D ra cầu H để gặp A rồi T đi về. Khi gặp nhau, A nói với H "*Anh xế đi"*, ý A bảo H điều khiển xe mô tô 90B2 - 698.26 chở mình, H đồng ý. Lúc này, A nói "*Anh em mình đi lượn đường xem có ai hở cái gì thì giật*", H nói "*Ok*". H điều khiển xe mô tô BKS 90B2 - 698.26 chở A đi theo QL37B về hướng xã Y. Khi đi qua khu vực TAND huyện D, thấy vắng người, A nói "*Thôi đi ra Đ*". H điều khiển xe quay lại, đi theo QL38 ra thị trấn Đ. Đến khu vực vòng xuyến, chân cầu vượt Đ thuộc xã D, huyện D, H và A phát hiện chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1971 trú tại thôn T, xã D, huyện D điều khiển xe mô tô BKS 90T1 - 1297 đi lên cầu vượt Đ về hướng H, có đeo chiếc túi giả da màu nâu vàng ở phía sau lưng, H nói *"Có quay lại khô*ng", A nói "*Quay lại cũng được, cứ đi theo xem sao".* H và A quay xe lại, đi theo sau chị H. Đi đến cổng Khu công nghiệp Đ, A nói "*Đợi đường thoáng, anh phi lên ngang tầm xe, em thử nhai xem thế nào"*, đến đoạn giao nhau giữa QL38 và đường tránh QL38 thuộc địa phận thôn B, xã Y, H điều khiển xe mô tô chở A vượt lên phía bên trái xe mô tô BKS 90T1 - 1297 của chị H. Khi hai xe đi song song nhau, A dùng tay phải cầm vào chiếc túi xách của chị H giật mạnh 2 - 3 nhát làm đứt quai túi. An cầm chiếc túi để vào giữa vị trí ngồi của A và H. Thấy A đã giật được túi xách của chị H, H điều khiển xe mô tô BKS 90B2 - 698.26 bỏ chạy nhanh về xã T. Đến đoạn mương nước thuộc thôn L, xã T, huyện D, H và A dừng xe lại kiểm tra bên trong chiếc túi vừa giật được của chị H, có 4.200.000đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samung GalaxyNote edge, màu trắng, bên

trong lắp sim 0984393857; 01 điện thoại Samsung GalaxyS Dous màu đen, bên trong có lắp sim 0913369126 và 0982595863, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM, 01 hộ chiếu, 01 thẻ của Công ty bảo hiểm Genrali, 01 thẻ y tế đều mang tên Nguyễn Thị Thanh H, 01 đăng ký xe mô tô BKS 90T1 - 1297, 01 kính lão gọng màu đen, 01 bao để kính giả da màu đen, 01 chùm chìa khóa có 3 chìa, 04 bút bi Thiên Long, 01 tuýp kem chống nắng. A và H lấy số tiền 4.200.000đ và 02 chiếc điện thoại, còn chiếc túi xách giả da màu nâu và các tài sản, giấy tờ cá nhân trong túi A ném xuống mương nước. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, A và H mang chiếc điện thoại hiệu Samung GalaxyNote edge, màu trắng đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Văn T, ở thôn 6, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam nói là điện thoại cũ của mình không dùng nữa nên bán, anh T không biết chiếc điện thoại này do A và H phạm tội mà có nên đồng ý mua với giá 1.700.000đ. Số tiền trong túi của chị H và tiền bán điện thoại cho anh T, A và H chia nhau tiêu xài hết. Còn chiếc điện thoại Samsung GalaxyS Dous màu đen H cầm sử dụng, sau đó H đập vỡ và vứt đi.

* Vật chứng thu giữ gồm:

Thu tại mương nước thuộc thôn L, xã T: 01 túi xách giả da màu vàng nâu gồm 3 ngăn, có khóa kéo ở giữa, KT(30x18x12)cm, có hai quay xách ở hai bên cùng có chiều dài 27cm và 01 dây đeo dài 90cm; 01 chiếc ví đựng kính giả da màu đen KT(16x8x4)cm; 01 kính có gọng màu đen; 04 chiếc bút bi nhãn hiệu Thiên Long, trong đó có 3 chiếc vỏ màu đen và 1 chiếc vỏ màu xanh; 01 thẻ tư vấn bảo hiểm cấp cho Nguyễn Thị Thanh H của hãng bảo hiểm Generali có dây đeo màu tím dài 84cm; 01 giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho Nguyễn Thị Thanh H; 01 đăng ký xe BKS 90T1 – 1297; 01 hộp kem chống nắng Cathy Doll Speed White CC Cream SPF50+PA+++ .

Thu của Lê Ngọc A: 01 điện thoại Oppo F5, vỏ màu đen, màn hình cảm ứng IMEL1: 868272033685294, IMEL2: 868272033685286, lắp 01 sim Viettel và 01 điện thoại Nokia 105 vỏ màu xanh IMEL1: 355803093554416, IMEL2: 3558033098554411, lắp 01 sim Viettel.

Thu của Nguyễn Văn H: 01 thẻ căn cước công dân số 035088000179 mang tên Nguyễn Văn H, do Cục CSĐKQL cư trú và QLQG về dân cư cấp ngày 09/12/2016.

Thu của anh Nguyễn Văn T: 01 điện thoại hiệu Samsung GalaxyNote edge, màu trắng.

Thu của bà Phạm Thị C, sinh năm 1966 ở thôn Đ, xã S, huyện D, tỉnh Hà Nam: 01 xe mô tô BKS 90B2 – 698.26 (không đeo BKS); 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 90B2 – 698.26; 01 giấy bán xe và 01 giấy mượn xe cùng ngày 25/4/2018.

* Khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Lê Ngọc A: Cơ quan CSĐT Công an huyện D đã thu giữ: Dưới đệm trong gian buồng 01 con dao dạng phớ có tổng

chiều dài 70cm, rộng 05cm; Trên mặt ghế tại phòng khách 01 khẩu trang bằng vải kẻ ka rô.

Ngày 11/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện D ban hành yêu cầu định giá số 26, xác định giá của các tài sản mà Lê Ngọc A và Nguyễn Văn H chiếm đoạt của chị H ngày 14/5/2018.

Tại bản kết luận định giá số 16/KL-HĐ ngày 25/5/2018 của Hội đồng định giá huyện D kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samung GalaxyNote edge, màu trắng, bên trong lắp sim 0984393857 có giá 3.300.000 đồng; 01 điện thoại Samsung GalaxyS Dous màu đen, bên trong có lắp sim 0913369126 và 0982595863 có giá 400.000 đồng; 01 bao để kính giả da, màu đen, có giá 2.000 đồng; 01 kính lão, gọng màu đen có giá 50.000 đồng; 01 tuýp kem chống nắng có giá 30.000 đồng; 01 chùm chìa khóa có 3 chìa có giá 600 đồng; 04 bút bi Thiên Long có giá 2.000 đồng; 01 túi xách giả da màu vàng nâu có gía 50.000 đồng; Tổng cộng**:** 3.834.600 đồng

Cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 09/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố các bị cáo về tội "*Cướp giật tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; 58; 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; riêng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo A. Xử phạt: Lê Ngọc A từ 05 đến 06 năm tù; Nguyễn Văn H từ 04 đến 05 năm tù; ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và tuyên án phí đối với các bị cáo.

Trong phần tranh tụng: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện D, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên*: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử (HĐXX) có đủ cơ sở kết luận:

[2] Do có ý định cùng nhau đi cướp giật tài sản của người khác nên sáng ngày 14/5/2018, tại cầu H, thuộc thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam, Lê Ngọc A nói với Nguyễn Văn H "*Anh em mình đi lượn đường xem có ai hở cái gì thì giật*", H nói "*Ok*" và điều khiển xe mô tô BKS 90B2 – 698.26 (không đeo BKS)

chở An theo QL38 về thị trấn Đ. Đến 11 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô BKS 90B2 – 698 chở A đi đến đoạn giao nhau giữa QL38 và đường tránh QL38 thuộc địa phận thôn B, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam theo hướng Đ – H thì cho xe vượt lên từ phía sau bên trái, đi song song với xe mô tô BKS 90T1 – 1297 của chị Nguyễn Thị Thanh H, A dùng tay phải giật được chiếc túi xách giả da màu vàng nâu chị H đang đeo phía sau lưng, trong túi có có số tiền 4.200.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samung GalaxyNote edge, màu trắng, bên trong lắp sim 0984393857; 01 điện thoại Samsung GalaxyS Dous màu đen, bên trong có lắp sim 0913369126 và 0982595863, 01 kính lão gọng màu đen, 01 bao để kính giả da màu đen, 01 chùm chìa khóa có 3 chìa, 04 bút bi Thiên Long, 01 tuýp kem chống nắng có tổng trị giá 3.834.6000đ và 1 số giấy tờ cá nhân của chị H rồi H điều khiển xe mô tô bỏ chạy về xã T, huyện D. A và H lấy toàn bộ số tiền 4.200.000 đồng và 02 chiếc điện thoại di động, những đồ vật tài sản còn lại A và H vứt xuống mương nước thuộc thôn L, xã T. Khoảng 14 giờ cùng ngày, A và H đem chiếc điện thoại Samung GalaxyNote edge, màu trắng bán cho anh Nguyễn Văn T được 1.700.000 đồng. Còn chiếc điện thoại Samsung GalaxyS Dous màu đen H cầm sử dụng, sau đó H đập vỡ và vứt đi. Số tiền chiếm đoạt được của chị H và bán điện thoại cho anh T, A và H chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Tổng giá trị tài sản mà Lê Ngọc A và Nguyễn Văn H chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thanh H là 8.034.600 đồng.

Hành vi điều khiển xe mô tô giật tài sản của người bị hại của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu trật tự trị an tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", tội phạm hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo là người có nhân thân xấu, bởi cả hai đã từng vi phạm pháp luật và bị xử lý.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo A, ngày 24/10/2014 bị cáo bị TAND huyện D xử phạt 36 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", đến ngày 01/12/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội trong khi chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét vai trò các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Lê Ngọc A là người khởi xướng, chuẩn bị phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò đầu vụ; bị cáo H giữ vai trò đồng phạm trong vụ án.

Từ nhận định trên nhận thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất rất nghiệm trọng, gây mất trật tự trị an xã hội và bất bình trong nhân dân cần được ngăn chặn. Do vậy, HĐXX cần phải ấn định mức hình phạt nghiêm khắc, cho các bị cáo cách ly khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo là người không có nghề nghiệp, thu nhập nên miễn không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 171 BLHS là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn T là người mua chiếc điện thoại Samung GalaxyNote edge, màu trắng của Lê Ngọc A và Nguyễn Văn H. Quá trình đấu tranh xác định anh T không biết chiếc điện thoại trên là do A và H phạm tội mà có đem bán. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện D không tiến hành khởi tố, điều tra là phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Thanh H có quan điểm yêu cầu Lê Ngọc A và Nguyễn Văn H bồi thường cho chị số tiền 4.200.000đ và giá trị chiếc điện thoại Samsung GalaxyS Dous màu đen là 400.000đ; anh Nguyễn Văn T yêu cầu Lê Ngọc A và Nguyễn Văn H trả lại anh số tiền 1.700.000đ anh trả khi mua chiếc điện thoại Samung GalaxyNote edge, màu trắng. Xét yêu cầu của chị H và anh T là có căn cứ nên HĐXX cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị H số tiền 4.600.000đ và anh T số tiền 1.700.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh, IMEI 355803093554416, bên trong có lắp 01 sim Viettel, thu giữ của Lê Ngọc An. Quá trình đấu tranh xác định đây là chiếc điện thoại mà A dùng để liên lạc với bị cáo H đi thực hiện hành vi phạm tội, nên HĐXX cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5, vỏ màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI 868272033685294 thu giữ của Lê Ngọc A. Quá trình đấu tranh xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên HĐXX cần trả lại cho bị cáo, nhưng được giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với 01 dao dạng phớ, có tổng chiều dài 70cm, rộng 05cm và 01 khẩu trang bằng vải kẻ ca rô thu giữ tại nhà của Lê Ngọc A. Quá trình đấu tranh xác định đây là tài sản của bị cáo A, hiện không còn giá trị sử dụng, HĐXX cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với 01 thẻ căn cước công dân số:035088000179 mang tên Nguyễn Văn H, HĐXX xác định đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo H nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 chiếc xe nhãn hiệu JUPITER F1, màu xanh – đen, không đeo biển kiểm soát, số khung: RLCUE1340JY060858, số máy:E3S1E098511, không có gương chiếu hậu, xe đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 111376. Quá trình đấu tranh xác định chiếc xe trên dăng ký BKS 90B2- 689.26 mang tên Lê Ngọc A, do Công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 16/4/2018. Ngày 25/4/2018, Lê Ngọc A đã bán chiếc xe này cho bà Phạm Thị C, trú tại thôn Đ, xã S, huyện D với số tiền 20.000.000đ. Sau đó bà C cho A mượn lại chiếc xe mô tô trên. Quá trình cho A mượn chiếc xe, bà C không biết A đã sử dụng chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 14/5/2018, sau khi sử dụng chiếc xe trên đi cướp giật tài sản của chị H, A đã dùng chiếc xe này để vay tiền của anh Trịnh Cao C, trú tại thôn Đ, xã Y, huyện D số tiền 6.000.000đ. Sau đó bà C đã gặp C chuộc lại chiếc xe và giao nộp cho cơ quan Công an chiếc xe và giấy tờ có liên quan. Xét thấy việc mua bán chiếc xe mô tô

trên giữa Lê Ngọc A và bà C là tự nguyện và được thực hiện trước thời điểm A thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này. Do vậy, HĐXX cần trả lại chiếc xe này cùng giấy đăng ký chiếc xe cho bà C nhận lại là phù hợp pháp luật. Tuy nhiên bà C có trách nhiệm hợp pháp thủ tục về việc sang tên chiếc xe với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 14/5/2018, bị cáo Lê Ngọc A mượn 6.000.000đ của anh Trịnh Cao C và để lại chiếc xe mô tô đã bán cho bà C (đăng ký BKS 90B2- 689.26), sau đó bà Phạm Thị C đã gặp và đưa cho anh C số tiền mà bị cáo A đã vay của anh C trước đó để lấy lại chiếc xe trên. Tại phiên tòa bà C và anh C vắng mặt, nên HĐXX không có cơ sở làm rõ quan điểm của bà C về khoản tiền mà bà đã đưa cho anh C để nhận chiếc xe đăng ký BKS 90B2- 689.26. Do vậy, HĐXX cần tách ra để giải quyết vụ án khi các bên có yêu cầu.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo Lê Ngọc A và Nguyễn Văn H;

- Áp dụng riêng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Ngọc A.

1/ *Tuyên bố*: Các bị cáo **Lê Ngọc A, Nguyễn Văn H** phạm tội "*Cướp giật tài sản". Xử phạt:*

- Lê Ngọc A 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/5/2018.

- Nguyễn Văn H 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2018.

2/ *Trách nhiệm dân sự*: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 588 và 589 Bộ luật dân sự.

+ Buộc bị cáo Lê Ngọc A và Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại là chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Chia theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Lê Ngọc A và Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Chia theo phần, mỗi bị cáo phải hoàn lại số tiền 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Dành quyền khởi kiện cho bà Phạm Thị C, anh Trịnh Cao C đối với bị cáo Lê Ngọc A về khoản tiền 6.000.000đ mà bị cáo A đã vay của anh C ngày 14/5/2018, sau đó bà C đã trả số tiền 6.000.000đ cho anh C để nhận lại chiếc xe mô tô đăng ký BKS 90B2- 689.26 bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

3/ *Về vật chứng*: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh, IMEI 355803093554416, bên trong có lắp 01 sim Viettel.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 dao dạng phớ, có tổng chiều dài 70cm, rộng 05cm và 01 khẩu trang bằng vải kẻ ca rô

- Trả lại bị cáo Lê Ngọc A: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5, vỏ màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI 868272033685294, nhưng được giữ lại để bảo đảm việc thi hành án.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H: 01 thẻ căn cước công dân số:035088000179 mang tên Nguyễn Văn H.

- Trả lại bà Phạm Thị C: 01 chiếc xe nhãn hiệu JUPITER F1, màu xanh – đen, không đeo biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, số khung: RLCUE1340JY060858, số máy: E3S1E098511, xe đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 111376.

(Đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện D ngày 11/7/2018).

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

- Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Lê Ngọc A, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 157.500đ (Một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Đ iều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an huyện D;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;người bị hại;
Người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.